

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	10

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Minh Tân	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	21 tháng 4 năm 2012
Ông Lâm Thiệu Quân	Chủ tịch	27 tháng 6 năm 2009	15 tháng 5 năm 2012
Ông Trần Thanh Nguyên	Thành viên	1 tháng 4 năm 2006	21 tháng 4 năm 2012
Ông Hồ Quốc An	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	21 tháng 4 năm 2012

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Hương Giang	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Trung Hà	Trưởng ban	23 tháng 4 năm 2011	21 tháng 4 năm 2012

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám Đốc	19 tháng 9 năm 2012	-
Ông Lâm Thiệu Quân	Tổng Giám Đốc	01 tháng 4 năm 2000	19 tháng 9 năm 2012

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 119-21-11(FY2012)

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong và các công ty con (“Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Ngoại trừ các vấn đề được đề cập ở đoạn dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán và ngoại trừ

Tập đoàn sở hữu 40,16% vốn thông qua đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh (“QEC”) và nắm giữ 75,02% quyền biểu quyết trong QEC (xem Thuyết minh số 1). Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, giá trị tài sản ngắn hạn và tổng tài sản của Công ty QEC lần lượt chiếm khoảng 1,51% và 22,65% tài sản ngắn hạn và tổng tài sản phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty QEC đã phát sinh lỗ lũy kế khoản 42.169 triệu VNĐ và nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của QEC khoản 84.746 triệu VNĐ. Bên cạnh đó, Công ty QEC nhận được đơn khởi kiện từ phía ngân hàng cho vay yêu cầu thanh toán các khoản vay và chi phí lãi vay đáo hạn tương ứng khoảng 41.803 triệu VNĐ và 7.853 triệu VNĐ. Do tình hình hoạt động và tài chính của Công ty QEC đang gặp khó khăn, Hội đồng Quản trị của Công ty QEC đang trong quá trình lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết dự án nhà máy Công ty QEC nhằm giảm thiểu thiệt hại cho cổ đông.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Nếu giả định hoạt động liên tục không được áp dụng, những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến việc thanh lý và phân loại tài sản và phân loại các khoản nợ phải trả nhằm phản ánh thực tế rằng Công ty QEC cần phải đánh giá lại tài sản và thanh toán các khoản nợ trong điều kiện khác với hoạt động kinh doanh bình thường. Số liệu sau khi điều chỉnh có thể khác biệt trọng yếu so với những số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty QEC. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, chúng tôi không thể lượng hóa được những điều chỉnh cần thiết này và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến kiểm toán của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu ở các đoạn trên tới các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản một cách tổng thể. Những thông tin bổ sung tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 3 từ trang 40 đến trang 46 không phải là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản này. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các thông tin này. Những thông tin này không phụ thuộc vào các thủ tục kiểm toán chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản của Tập đoàn, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về những thông tin này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



NGUYỄN QUỐC TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		366.687.850.853	422.275.406.282
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	94.175.014.557	50.601.583.927
Tiền	111		22.813.969.014	37.497.448.822
Các khoản tương đương tiền	112		71.361.045.543	13.104.135.105
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.598.986.651	11.282.011.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	3.598.986.651	11.282.011.827
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.980.468.758	193.586.625.704
Phải thu khách hàng	131	37	87.351.890.501	170.867.316.744
Trả trước cho người bán	132		8.728.544.938	20.351.219.451
Phải thu khác	135	6; 37	43.179.995.992	4.656.036.989
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(2.279.962.673)	(2.287.947.480)
Hàng tồn kho	140	8	110.184.439.457	129.110.898.997
Hàng tồn kho	141		125.924.206.737	135.752.767.456
Dự phòng hàng tồn kho	149		(15.739.767.280)	(6.641.868.459)
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.748.941.430	37.694.285.827
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	4.247.038.459	3.517.491.118
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.862.798.150	6.576.074.561
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.325.722.601	12.016.278
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.313.382.220	27.588.703.870
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.751.641.822	344.912.117.628
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		-	3.000.000
Tài sản cố định	220		211.379.055.525	228.381.333.181
Tài sản cố định hữu hình	221	11	145.665.061.117	159.179.718.543
- Nguyên giá	222		175.958.531.010	176.872.015.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.293.469.893)	(17.692.296.710)
Tài sản cố định vô hình	227	12	65.595.925.403	67.965.095.717
- Nguyên giá	228		72.252.881.339	70.498.746.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.656.955.936)	(2.533.650.664)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	118.069.005	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	14	9.232.221.064	15.505.224.590
- Nguyên giá	241		39.999.680.784	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(30.767.459.720)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.806.852.327	64.131.569.805
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	3.772.353.719	46.021.465.334
Đầu tư dài hạn khác	258	16	7.715.498.608	20.110.104.471
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(1.681.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		29.633.695.279	33.769.325.924
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	22.262.848.302	26.720.690.897
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34	1.737.138.863	1.777.144.427
Tài sản dài hạn khác	268	19	5.633.708.114	5.271.490.600
Lợi thế thương mại	269	20	2.699.817.627	3.121.664.128
TỔNG TÀI SẢN	270		629.439.492.675	767.187.523.910

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		281.780.577.360	385.452.284.970
Nợ ngắn hạn	310		220.538.836.034	291.158.127.023
Vay ngắn hạn	311	21	74.343.738.124	70.920.991.432
Phải trả người bán	312	37	48.528.156.858	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	313		25.486.730.202	32.846.728.105
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	22	25.423.127.858	33.045.927.869
Phải trả người lao động	315		2.740.296.340	9.012.839.920
Chi phí phải trả	316	23	17.958.491.375	6.481.481.348
Phải trả nội bộ	318		-	37.782.561
Phải trả khác	319	24; 37	13.927.051.229	13.530.313.010
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.716.229.836	8.493.596.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.415.014.212	5.879.751.065
Nợ dài hạn	330		61.241.741.326	94.294.157.947
Phải trả dài hạn khác	333		1.601.595.008	1.228.632.200
Vay dài hạn	334	25	49.155.012.834	87.696.208.298
Dự phòng phải trả dài hạn	337		857.853.450	1.318.040.858
Doanh thu chưa thực hiện	338		7.058.045.834	1.027.167.454
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.569.234.200	3.024.109.137
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.414.593.686	221.724.923.120
Vốn chủ sở hữu	410	26	216.414.593.686	221.724.923.120
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.711.950.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	106.863.282
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.132.233.060	3.512.427.325
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85.586.090.626	102.017.322.513
LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	131.244.321.629	160.010.315.820
TỔNG NGUỒN VỐN	440		629.439.492.675	767.187.523.910

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013



Người phê duyệt:

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

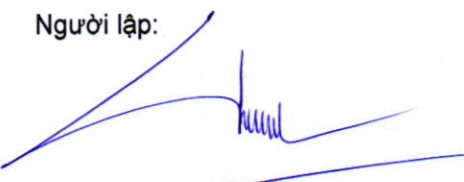
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	641.184.695.235	722.637.438.096
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(160.280.888)	(1.572.732.918)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	641.024.414.347	721.064.705.178
Giá vốn hàng bán	11	29; 38	(493.668.465.085)	(525.640.462.108)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		147.355.949.262	195.424.243.070
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	38.050.326.381	17.875.721.282
Chi phí tài chính	22	31	(34.930.129.822)	(20.820.939.570)
Chi phí bán hàng	24	38	(47.087.452.445)	(46.637.134.880)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	38	(61.928.240.314)	(61.692.004.569)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.460.453.062	84.149.885.333
Thu nhập khác	31	32	7.477.301.746	3.635.449.374
Chi phí khác	32	33	(11.988.227.848)	(868.413.568)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40		(4.510.926.102)	2.767.035.806
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	15	14.484.895.321	5.126.817.916
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	34	51.434.422.281	92.043.739.055
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	(22.429.409.308)	(14.550.989.888)
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(40.005.564)	891.944.849
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.965.007.409	78.384.694.016
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	27	12.920.578.104	32.855.308.530
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	26	16.044.429.305	45.529.385.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.280	3.922

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:


TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:


NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		Thuyết minh 31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ/năm	01	51.434.422.281	92.043.739.055
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	29.212.812.284	16.108.523.120
Thay đổi các khoản dự phòng	03	9.197.045.358	6.385.327.586
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	279.036.888	821.633.001
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	(962.756.905)	(178.565.742)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(60.606.122.733)	(20.451.946.467)
Chi phí lãi vay	07	31.109.108.805	13.191.931.367
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08	59.663.545.978	107.920.641.920
Giảm các khoản phải thu	09	107.526.749.527	23.287.163.571
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	9.828.560.719	(25.274.757.907)
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	(117.286.531.277)	(50.342.998)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	4.948.699.265	(1.350.623.723)
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.509.900.516)	(22.539.811.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.827.914.212)	(9.147.660.823)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	14.911.536.136	2.140.553.494
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(11.878.794.153)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20	34.254.745.620	63.106.367.690
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.537.836.665)	(126.507.224.926)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.761.669.591	499.016.513
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.195.343.170)	(125.944.561.222)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.405.970.759	125.885.953.381
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.137.824.568)
Thu hồi các khoản đầu tư	26	31.075.186.970	27.770.337.810
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.778.931.398	5.778.057.910
Tiền chi thuần để mua công ty con	28	-	(2.695.887.298)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30	67.288.578.883	(113.352.132.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31	1.886.620.000	21.986.923.695
Chi tiền mua vốn góp của cổ đông thiểu số	32	(7.920.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	129.248.945.504	290.653.291.071
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	(165.636.324.464)	(251.734.942.706)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.323.552.400)	(9.287.064.800)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động tài chính	40	(57.744.311.360)	51.618.207.260

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
TĂNG TIỀN THUẬN TRONG KỲ/NĂM	50		43.799.013.143	1.372.442.550
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ/NĂM	60	4	50.601.583.927	49.229.141.377
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(225.582.513)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ/NĂM	70	4	94.175.014.557	50.601.583.927


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ/năm có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	30.002.973.940	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	2.814.483.867	8.830.826.809
Cán trừ công nợ bằng cách thanh lý tài sản cố định	1.699.269.634	-
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	1.058.213.030	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	110.000.000	-
Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ	-	5.232.200.000
Vốn hóa chi phí lãi vay vào nguyên giá tài sản cố định	-	8.452.701.785

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (trước đây là số 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở văn phòng đại diện và thay đổi trụ sở chính.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; đại lý môi giới, đấu giá, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa máy móc, thiết bị; hoạt động viễn thông có dây; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; hoạt động viễn thông khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; lập trình máy vi tính; và bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 127.711.950.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.523.890	11,93%	1.385.355	11,93%
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	791.000	6,19%	1.000.000	8,61%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.576.835	12,35%	1.576.835	13,58%
Vietnam Investment Limited	1.074.183	8,41%	1.074.183	9,25%
Các cổ đông khác	7.803.719	61,12%	6.574.026	56,63%
	12.769.627	100,00%	11.610.399	100,00%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Các công ty con và công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo gồm:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, điện máy, máy tính, thiết bị văn phòng và các thiết bị đo lường công nghiệp	57,13%	57,13%
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông	82,74%	82,74%
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Mua bán, lắp đặt thiết bị cơ khí, thiết bị phục vụ xây dựng và công nghiệp, thiết bị điện, điện tử, tin học và viễn thông.	50,51%	50,51%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến vật tư, máy móc ngành công nghiệp, dân dụng, điện tử và tin học	71,79%	71,79%
Công ty TNHH Một thành viên Phần mềm Tiên Phong	Sản xuất và cung cấp dịch vụ liên quan đến các phần mềm tin học	100%	100%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	44,99%	54,29%
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh (**)	Sản xuất thiết bị điện, máy phát điện, máy biến thế, pin, ắc quy, dây cáp và sợi cáp	40,16%	75,02%
Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem (***)	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện	22,94%	51,00%
Công ty Cổ phần Inno (***)	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, chống sét, viễn thông và trung tâm dữ liệu cho thuê	44,97%	99,96%

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, phần mềm, truyền thông, giao thông vận tải và thiết bị văn phòng	32,00%	32,00%
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, phần mềm, máy tính, tin học và viễn thông	64,92%	25,00%

Trong đó:

- (*) Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cổ đông cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 9,3%) để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu là 54,29% tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 52,87%).
- (**) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư trực tiếp là 4,58%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh là 35,58%.
- (***) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Tập đoàn có 347 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 521 nhân viên).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

2.2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

2.3. Năm tài chính

Trong kỳ, Tập đoàn đã thay đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 sang ngày 31 tháng 3. Năm tài chính đầu tiên sau khi chuyển đổi bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013. Các năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ mười lăm (15) tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.6. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã niêm yết và chưa niêm yết.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản nợ tài chính đó.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 8
Khác	2

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị hao mòn của Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 31 đến 45 năm.

Quyền sử dụng công nghệ

Quyền sử dụng công nghệ thông qua việc Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh nhận chuyển giao công nghệ từ Electrotecnica Artech Hermanos - S.A theo hợp đồng chuyển giao công nghệ ngày 26 tháng 1 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh và Electrotecnica Artech Hermanos - S.A. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ quyền sử dụng công nghệ.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Bản quyền

Bản quyền trình bày giá mua bản quyền nhượng quyền kinh doanh trạm thu phí giao thông. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng tài sản chưa hoàn thành và được phản ánh theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

Trạm thu phát sóng

Năm

5 - 6

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

2.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

2.16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 30 năm kể từ ngày của hợp đồng thuê.

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi doanh nghiệp chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 5 năm.

Phí chuyển giao công nghệ

Phí chuyển giao công nghệ trình bày phí chuyển giao công nghệ, được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.17. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5,00% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.19. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

2.21. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.22. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

2.24. Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh. Tập đoàn hoạt động ở Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa hợp nhất cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm các cổ đông và các công ty liên kết của Công ty, và các cổ đông, nhà đầu tư và các công ty liên kết của các Công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.27. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.28. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

2.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không nên được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013			Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011		
	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Điện – Điện tử	135.330.568.483	(92.977.357.718)	42.353.210.765	171.553.150.042	(110.681.770.727)	60.871.379.315
Viễn thông – Tin học	142.209.668.613	(116.030.222.018)	26.179.446.595	154.514.833.404	(115.856.177.363)	38.658.656.041
Điện – Điện công nghiệp	230.777.847.194	(186.711.026.863)	44.066.820.331	270.343.238.596	(205.383.640.316)	64.959.598.280
Hạ tầng – Giao thông	132.706.330.057	(97.949.858.486)	34.756.471.571	124.653.483.136	(93.718.873.702)	30.934.609.434
	641.024.414.347	(493.668.465.085)	147.355.949.262	721.064.705.178	(525.640.462.108)	195.424.243.070

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	2.413.262.246	865.679.251
Tiền gửi ngân hàng	20.400.706.768	36.631.769.571
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	71.361.045.543	13.104.135.105
	94.175.014.557	50.601.583.927

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	26.890	19.736
- Euro ("EUR")	176.887	5.079

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, công ty liên kết với lãi suất 16,20% một năm (2011: 16,20% một năm)	590.000.000	200.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong, bên liên quan, với lãi suất 16,20% một năm (2011: 18,00%)	500.000.000	800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	2.508.986.651	3.813.743.435
Các khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết, với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2011: 18% đến 19,80% một năm)	-	6.468.268.392
	3.598.986.651	11.282.011.827

6. Phải thu khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	30.002.973.940	-
Phải thu cổ tức	7.380.000.000	-
Phải thu lãi vay và tiền gửi	2.892.738.036	283.520.641
Phải thu vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	1.058.213.030	-
Khoản phải thu hồi vốn góp từ công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	231.453.131	1.600.416.616
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	110.000.000	-
Phải thu các công ty liên kết	19.500.000	255.869.092
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	483.740.736
Phải thu khác	485.117.855	1.080.737.004
	43.179.995.992	4.656.036.989

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Do đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu được phân loại sang phải thu khác để chờ xử lý.

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	2.287.947.480	1.607.544.249
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	1.550.427.954	1.360.958.088
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(1.132.281.417)	(680.554.857)
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi trong kỳ/ năm	(426.131.344)	-
Số dư cuối kỳ/năm	2.279.962.673	2.287.947.480

8. Hàng tồn kho

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Hàng mua đang đi đường	97.029.737	1.377.479.942
Nguyên vật liệu	6.071.118.968	7.224.026.700
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.321.721.768	58.196.073.978
Thành phẩm	438.795.566	854.345.799
Hàng hóa	56.945.642.370	67.873.729.696
Hàng gửi đi bán	49.898.328	227.111.341
	125.924.206.737	135.752.767.456
Dự phòng hàng tồn kho	(15.739.767.280)	(6.641.868.459)
	110.184.439.457	129.110.898.997

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	6.641.868.459	5.397.155.131
Tăng trong kỳ/năm	9.284.106.926	1.619.116.293
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(186.208.105)	(374.402.965)
Số dư cuối kỳ/năm	15.739.767.280	6.641.868.459

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền thuê đất cho trạm thu phát sóng	1.489.537.153	2.268.652.078
Chi phí chờ phân bổ	1.981.750.000	-
Dụng cụ văn phòng	475.283.334	826.292.841
Tiền thuê mặt bằng, văn phòng, kho	46.568.352	120.039.400
Khác	253.899.620	302.506.799
	4.247.038.459	3.517.491.118

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	9.035.896.345	18.820.604.257
Ký quỹ bảo lãnh bảo hành dự án	1.594.668.630	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.682.817.245	8.767.965.984
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	133.629
	12.313.382.220	27.588.703.870

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	93.285.787.569	55.148.208.911	15.598.893.981	12.783.308.312	55.816.480	176.872.015.253
Tăng trong kỳ	1.098.231.781	821.144.000	953.328.269	3.791.833.166	-	6.664.537.216
Tăng khác	-	-	-	55.162.335	-	55.162.335
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.220.404.011)	-	-	-	-	(1.220.404.011)
Thanh lý/xóa sổ	-	(533.703.299)	(3.835.734.217)	(2.024.472.267)	(18.870.000)	(6.412.779.783)
Số dư cuối kỳ	93.163.615.339	55.435.649.612	12.716.488.033	14.605.831.546	36.946.480	175.958.531.010
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	(965.985.134)	(2.392.279.193)	(6.714.767.206)	(7.563.448.697)	(55.816.480)	(17.692.296.710)
Hao mòn trong kỳ	(3.957.986.088)	(7.701.363.507)	(2.527.820.511)	(2.206.927.030)	-	(16.394.097.136)
Tăng khác	-	-	-	(55.162.335)	-	(55.162.335)
Thanh lý/xóa sổ	-	160.830.928	1.736.490.260	1.931.895.100	18.870.000	3.848.086.288
Số dư cuối kỳ	(4.923.971.222)	(9.932.811.772)	(7.506.097.457)	(7.893.642.962)	(36.946.480)	(30.293.469.893)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	92.319.802.435	52.755.929.718	8.884.126.775	5.219.859.615	-	159.179.718.543
Số dư cuối kỳ	88.239.644.117	45.502.837.840	5.210.390.576	6.712.188.584	-	145.665.061.117

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại xấp xỉ 135.114 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 102.912 triệu VNĐ) được thế chấp tại các Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("ACB") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương ("Vietinbank") để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (xem Thuyết minh 21 và 25).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 8.696 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 8.090 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng công nghệ	Phần mềm	Bản quyền	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	43.896.062.525	25.599.105.556	673.578.300	330.000.000	-	70.498.746.381
Tăng trong kỳ	-	1.540.666.667	206.495.091	-	15.022.800	1.762.184.558
Giảm khác	(8.049.600)	-	-	-	-	(8.049.600)
Số dư cuối kỳ	43.888.012.925	27.139.772.223	880.073.391	330.000.000	15.022.800	72.252.881.339
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	(1.627.891.237)	(213.326.000)	(417.433.427)	(275.000.000)	-	(2.533.650.664)
Hao mòn trong kỳ	(1.363.637.295)	(2.487.814.001)	(202.160.412)	(55.000.000)	(14.567.564)	(4.123.305.272)
Số dư cuối kỳ	(2.991.528.532)	(2.701.140.001)	(619.719.839)	(330.000.000)	(14.567.564)	(6.656.955.936)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	42.268.171.288	25.385.779.556	256.144.873	55.000.000	-	67.965.095.717
Số dư cuối kỳ	40.896.484.393	24.438.632.222	260.353.552	-	455.236	65.595.925.403

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại khoảng 40.970 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 42.268 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng Vietinbank và ngân hàng ACB để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 21 và 25).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 520 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 133 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.236.518.921	43.595.291.712
Tăng trong kỳ/năm	518.311.417	96.337.918.171
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.636.761.333)	(546.568.610)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(136.894.446.061)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.255.676.291)
Số dư cuối kỳ/năm	118.069.005	1.236.518.921

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	38.179.543.108
Tăng trong kỳ	407.287.341
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.636.761.333
Thanh lý/xóa sổ	(223.910.998)
Số dư cuối kỳ	39.999.680.784
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(22.674.318.518)
Hao mòn trong kỳ	(8.273.563.375)
Thanh lý/xóa sổ	180.422.173
Số dư cuối kỳ	(30.767.459.720)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.505.224.590
Số dư cuối kỳ	9.232.221.064

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Thiên Vận	192.000	2.286.155.708	192.000	2.105.211.580
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong (*)	231.000	1.486.198.011	231.000	1.792.017.357
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") (**)		-	3.213.340	42.124.236.397
		3.772.353.719		46.021.465.334

(*) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, quyền biểu quyết của Tập đoàn là 25,00%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Tập đoàn đã đầu tư 2.310 triệu đồng, tương đương 69,92% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 69,84%).

(**) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013, tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ, tương đương 41,02% vốn cổ phần của GIJ.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động giá trị đầu tư trong các Công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	46.021.465.334	51.858.917.667
Tăng trong kỳ/năm	-	200.000.000
Lợi nhuận được chia	14.484.895.321	5.126.817.916
Chuyển nhượng vốn	(32.133.400.000)	(8.864.031.204)
Cổ tức được chia	(24.600.000.000)	-
Phân loại lại	-	(2.636.000.000)
Điều chỉnh năm trước	(606.936)	335.760.955
	3.772.353.719	46.021.465.334

16. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	-	2.650.000.000
Đầu tư 100.000 USD vào Công ty TNHH Hanel – CSF	1.831.595.000	1.831.595.000
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.500.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (*)	1.098.957.000	1.098.957.000
Cho nhân viên vay để đầu tư vào Công ty Thiết bị điện Thạch Anh và không tính lãi suất	-	7.920.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên một năm	2.984.946.608	5.109.552.471
	7.715.498.608	20.110.104.471

(*) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tài chính trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	2.000.000.000	800.000.000
Tăng trong kỳ/năm	1.147.376.077	1.200.000.000
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(1.466.376.077)	-
Số dư cuối kỳ/năm	1.681.000.000	2.000.000.000

Số dư khoản dự phòng cuối kỳ/năm bao gồm:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.681.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	-	800.000.000
	1.681.000.000	2.000.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê đất trả trước	Chi phí thành lập	Chi phí trước hoạt động	Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn	Nâng cấp văn phòng	Chi phí bảo trì, bảo hành trạm	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	11.178.562.500	115.132.674	8.661.551.223	815.060.326	2.462.034.300	617.805.771	2.870.544.103	26.720.690.897
Tăng trong kỳ	-	-	431.000.398	-	183.851.594	925.089.492	441.241.370	1.981.182.854
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	1.220.404.011	-	-	1.220.404.011
Phân bổ trong kỳ	(469.687.500)	(49.350.000)	(3.386.218.988)	(29.918.935)	(1.202.772.636)	(697.162.265)	(1.824.319.136)	(7.659.429.460)
Số dư cuối kỳ	10.708.875.000	65.782.674	5.706.332.633	785.141.391	2.663.517.269	845.732.998	1.487.466.337	22.262.848.302

19. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Ký quỹ, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	3.220.783.164	2.753.880.480
Đặt cọc tiền thuê	1.885.364.950	2.300.678.000
Đặt cọc khác	527.560.000	216.932.120
	5.633.708.114	5.271.490.600

20. Lợi thế thương mại

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	3.121.664.128	3.374.772.030
Phân bổ trong kỳ/năm	(421.846.501)	(253.107.902)
Số dư cuối kỳ/năm	2.699.817.627	3.121.664.128

21. Vay ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Vay ngắn hạn từ các cá nhân (a)	16.189.798.433	35.241.164.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (b)	13.600.725.300	16.581.469.852
Vay ngắn hạn từ bên liên quan	-	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 25)	44.553.214.391	18.098.357.580
	74.343.738.124	70.920.991.432

- (a) Khoản vay từ cá nhân. Các khoản vay này là các khoản vay không cần đảm bảo. Các khoản vay này có lãi suất từ 0,00% đến 12,00% một năm (2011: từ 12,00% đến 21,00% một năm).
- (b) Các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng Techcombank, ngân hàng ACB, ngân hàng Vietinbank và ngân hàng BIDV được đảm bảo bằng các tài sản cố định, Quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 11 và 12), và Quyền sử dụng đất, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản khác của một số thành viên Hội đồng Quản trị. Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 6,50% đến 19,60% một năm (2011: 13,00% đến 16,50%).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.875.269.155	6.203.704.853
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	220.645.993	874.185.491
Thuế xuất nhập khẩu	154.715.972	264.988.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.326.631.606	21.725.136.510
Thuế thu nhập cá nhân	459.652.997	2.171.943.693
Thuế nhà thầu	37.085.515	1.719.529.211
Các loại thuế khác	349.126.620	86.439.131
	25.423.127.858	33.045.927.869

23. Chi phí phải trả

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Trích trước chi phí cho dự án	8.593.216.611	2.671.580.481
Chi phí lãi vay	8.379.998.543	780.790.254
Chi phí lắp đặt, vận chuyển, nhân công trạm	660.036.200	2.760.324.131
Chi phí dịch vụ chuyên môn	164.000.000	88.000.000
Trích trước chi phí thuế nhà thầu phải trả	154.066.667	-
Chi phí phải trả khác	7.173.354	180.786.482
	17.958.491.375	6.481.481.348

24. Phải trả khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền phạt chậm nộp thuế	4.059.820.569	-
Cổ tức phải trả	3.311.566.500	960.000.000
Phải trả khác cho các bên liên quan (*)	2.282.021.097	793.158.550
Phải trả khác cho cá nhân (*)	1.600.000.000	8.970.000.000
Thuế nhà thầu	1.254.105.556	-
Nhận đặt cọc, ký quỹ	345.300.000	684.777.000
Tài sản thừa chờ xử lý	285.840.407	285.840.407
Tiền thuê đất từ bên liên quan	169.683.333	284.348.160
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	145.258.500	183.350.927
Các khoản phải trả khác	473.455.267	1.368.837.966
	13.927.051.229	13.530.313.010

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan và các cá nhân không cần đảm bảo và không chịu lãi suất.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Vay dài hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay (a)	51.905.012.834	47.623.560.918
Khoản vay (b)	41.803.214.391	56.683.726.960
Khoản vay (c)	-	244.995.000
Khoản vay (d)	-	733.200.000
Khoản vay (e)	-	509.083.000
	93.708.227.225	105.794.565.878
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 21)	(44.553.214.391)	(18.098.357.580)
	49.155.012.834	87.696.208.298

- (a) Khoản vay dài hạn với hạn mức 60,000 triệu VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD cho đến tháng 12 năm 2018, tòa nhà ITD được hoàn thành vào tháng 12 năm 2011, Khoản vay được bảo đảm bởi chính tòa nhà ITD và Quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 11 và 12) và chịu lãi suất từ 15,0% đến 21,0% một năm (2011: 19,0% đến 21,0% một năm).
- (b) Khoản vay từ ngân hàng ACB với hạn mức tín dụng là 26.788 triệu VNĐ, 25.000 triệu VNĐ và 8.212 triệu VNĐ. Khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số 11 và 12). Lãi suất thực tế bình quân cho khoản vay từ 17,8% đến 20,2% một năm (2011: 16,5% đến 23,5% một năm).

26. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, 1 tháng 1 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	98.919.353	2.743.029.262	-	71.597.437.196	190.527.695.811
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	45.529.385.486	45.529.385.486
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.287.064.800)	(9.287.064.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.076.826.438	-	(5.289.947.331)	(4.213.120.893)
Hoàn nhập/điều chỉnh quỹ	-	-	(98.919.353)	(101.533.527)	-	98.919.353	(101.533.527)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	106.863.282	-	106.863.282
Điều chỉnh cho năm trước	-	-	-	(205.894.848)	-	(631.407.391)	(837.302.239)
Số dư, 1 tháng 1 năm 2012	116.103.990.000	(15.680.000)	-	3.512.427.325	106.863.282	102.017.322.513	221.724.923.120
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-	-	-	-	(11.607.960.000)	-
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	16.044.429.305	16.044.429.305
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.323.552.400)	(15.323.552.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.906.598.932	-	(4.584.002.668)	(2.677.403.736)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế năm 2008	-	-	-	(2.286.793.197)	-	(243.432.774)	(2.530.225.971)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(106.863.282)	-	(106.863.282)
Điều chỉnh cho các năm trước	-	-	-	-	-	(716.713.350)	(716.713.350)
Số dư, 31 tháng 3 năm 2013	127.711.950.000	(15.680.000)	-	3.132.233.060	-	85.586.090.626	216.414.593.686

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12.769.627	127.696.270.000	11.608.831	116.088.310.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Biến động của vốn điều lệ trong kỳ/năm:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013		Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Phát hành trong kỳ/năm (*)	1.160.796	11.607.960.000	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000

(*) Ngày 9 tháng 3 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định về việc chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung các cổ phiếu phát hành thêm với số lượng 1.160.796 cổ phiếu, tương đương 11.607.960.000 VNĐ. Số cổ phiếu phát hành thêm này để trả cổ tức cho năm 2010. Ngày niêm yết có hiệu lực bắt đầu từ ngày 13 tháng 3 năm 2012.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	160.010.315.820	120.401.281.140
Vốn góp bằng tiền mặt	1.886.620.000	27.219.123.695
Chuyển nhượng vốn góp	(7.920.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số	12.920.578.104	32.855.308.530
Cổ tức được chia	(30.425.789.294)	(19.750.216.065)
Trích lập các quỹ	(1.804.736.075)	(916.652.869)
Điều chỉnh các quỹ	-	(41.466.473)
Mua cổ phiếu quỹ	(412.131.394)	(82.556.743)
Chênh lệch tỷ giá	(104.710.096)	173.424.555
Chi nộp phạt và bổ sung thuế năm 2008	(2.905.825.436)	-
Điều chỉnh cho năm trước	-	152.831.862
Khác	-	(761.812)
Số dư cuối kỳ/năm	131.244.321.629	160.010.315.820

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ kỹ thuật	506.588.299.772	543.682.723.409
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	38.078.642.585	28.506.310.709
Doanh thu xây dựng và lắp đặt	96.517.752.878	150.448.403.978
Tổng doanh thu	641.184.695.235	722.637.438.096
Hàng bán bị trả lại	(160.280.888)	(1.572.732.918)
Doanh thu thuần	641.024.414.347	721.064.705.178

29. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ kỹ thuật	373.755.038.179	395.089.957.497
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	21.405.779.939	15.691.656.784
Giá vốn xây dựng và lắp đặt	89.274.080.287	113.614.134.499
Dự phòng hàng tồn kho	9.233.566.680	1.244.713.328
	493.668.465.085	525.640.462.108

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết	30.023.973.940	9.422.000.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.491.992.707	4.693.668.599
Lãi tiền cho vay	676.156.086	806.231.813
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	374.281.344	2.340.797.500
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	216.028.242	216.527.290
Cổ tức và lợi nhuận được chia	174.638.335	186.700.849
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	35.476.996
Khác	93.255.727	174.318.235
	38.050.326.381	17.875.721.282

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

31. Chi phí tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí lãi vay	31.109.108.805	13.191.931.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.638.286.119	5.508.162.090
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.186.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	500.305.585	1.200.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	279.036.888	857.109.997
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	60.000.000
Khác	217.392.425	3.736.116
	34.930.129.822	20.820.939.570

32. Thu nhập khác

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.570.939.225	499.016.513
Hoàn nhập các khoản dự phòng	3.079.574.858	1.839.685.545
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	270.226.211	337.540.218
Thu tiền từ hoa hồng	-	359.909.526
Hoàn thuế nhập khẩu	-	326.733.705
Thu nhập khác	556.561.452	272.563.867
	7.477.301.746	3.635.449.374

33. Chi phí khác

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	4.498.669.917	231.155.061
Phạt thuế và truy thu nộp chậm	4.074.509.149	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản dài hạn thanh lý	2.608.182.320	320.450.771
Mất hàng tồn kho	247.799.478	-
Chi phí khác	559.066.984	316.807.736
	11.988.227.848	868.413.568

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động chính của Công ty TNHH Phần Mềm Tiên Phong, công ty con, như được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh Báo cáo Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (2008 - 2011) và giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2012 - 2020).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Theo Nghị định Số 60/2012/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 29/2012/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và cá nhân ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các hoạt động của các Công ty trong Tập đoàn đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó các Công ty trong Tập đoàn được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2012.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ/năm được tính như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ/năm hiện hành	17.423.822.585	14.496.236.783
Dự phòng thiếu từ các năm trước	5.005.586.723	54.753.105
	22.429.409.308	14.550.989.888
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Các khoản chênh lệch tạm thời	40.005.564	(891.944.849)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.469.414.872	13.659.045.039

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013		Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.434.422.281		92.043.739.055	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	12.858.605.570	25,00%	22.998.322.975	25,00%
Chi phí không được trừ	1.697.101.716	3,30%	348.217.794	0,38%
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia	(3.518.315.174)	(6,84%)	(1.751.001.623)	(1,90%)
Ưu đãi thuế	(109.116.584)	(0,21%)	(2.171.911.360)	(2,38%)
Ảnh hưởng của giảm thuế	(2.933.269.797)	(5,70%)	(5.917.969.919)	(6,48%)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất áp dụng ở các Công ty con trong Tập đoàn	(327.349.752)	(0,64%)	(1.054.307.994)	(1,15%)
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản chênh lệch tạm thời không ghi nhận	9.790.444.098	19,03%	1.152.942.061	1,25%
Dự phòng thiếu từ các năm trước	5.005.586.723	9,73%	-	-
Khác	5.728.072	0,01%	54.753.105	0,06%
	22.469.414.872	43,68%	13.659.045.039	14,85%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được Tập đoàn ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ/năm như sau:

	Số dư tại 31 tháng 12 năm 2011	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí bảo hành phải trả	48.187.637	(11.298.939)	36.888.698
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	1.728.956.790	(28.706.625)	1.700.250.165
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.777.144.427	(40.005.564)	1.737.138.863

35. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông phổ thông là 16.044.429.305 VNĐ (2011: 45.529.385.486 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 12.537.468 cổ phiếu (2011: 11.608.831 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông công ty mẹ	16.044.429.305	45.529.385.486
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ/năm	11.610.399	11.610.399
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm	928.637	-
Ảnh hưởng mua lại cổ phiếu quỹ	(1.568)	(1.568)
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm	12.537.468	11.608.831
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.280	3.922

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

36. Các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính, gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Hệ thống và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD"), đồng Euro ("EUR") và Đô la Singapore ("SGD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ tuân được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD, EUR và SGD như sau:

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011		
	USD	EUR	USD	EUR	SGD
Tài sản tài chính					
Tiền	26.890	176.887	19.736	5.079	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	270.000	-	-
Trả trước cho người bán	24.714	4.500	15.054	16.140	269.922
Tài sản ngắn hạn khác	49.000	-	85.478	-	-
	100.604	181.387	390.168	21.219	269.922
Nợ tài chính					
Vay ngắn hạn	-	-	54.130	-	-
Phải trả người bán	912.656	2.444	1.968.513	179.988	97.000
Trả trước cho người bán	-	-	5.931	-	-
	912.656	2.444	2.028.574	179.988	97.000

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Tập đoàn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Tập đoàn quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất.

Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Tập đoàn được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 3 năm 2013				
Các khoản vay	74.343.738.124	39.101.253.208	10.053.759.626	123.498.750.958
Phải trả người bán	48.528.156.858	-	-	48.528.156.858
Người mua trả tiền trước	25.486.730.202	-	-	25.486.730.202
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	25.423.127.858	-	-	25.423.127.858
Chi phí phải trả	17.958.491.375	-	-	17.958.491.375
Phải trả khác	13.927.051.229	1.601.595.008	-	15.528.646.237
	205.667.295.646	40.702.848.216	10.053.759.626	256.423.903.488
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay	70.920.991.432	73.042.804.939	14.653.403.359	158.617.199.730
Phải trả người bán	110.615.831.291	292.884.003	-	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	31.384.199.605	1.462.528.500	-	32.846.728.105
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	33.045.927.869	-	-	33.045.927.869
Chi phí phải trả	6.262.921.348	218.560.000	-	6.481.481.348
Phải trả khác	13.442.185.994	88.127.016	1.228.632.200	14.758.945.210
	265.672.057.539	75.104.904.458	15.882.035.559	356.658.997.556

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2013			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.598.986.651	-	3.598.986.651
Phải thu khách hàng	87.351.890.501	-	87.351.890.501
Trả trước cho người bán	8.728.544.938	-	8.728.544.938
Phải thu khác	43.179.995.992	-	43.179.995.992
Tài sản ngắn hạn khác	12.313.382.220	-	12.313.382.220
Đầu tư dài hạn khác	-	7.715.498.608	7.715.498.608
Tài sản dài hạn khác	-	5.633.708.114	5.633.708.114
	155.172.800.302	13.349.206.722	168.522.007.024
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư ngắn hạn	11.282.011.827	-	11.282.011.827
Phải thu khách hàng	161.996.541.519	8.870.775.225	170.867.316.744
Trả trước cho người bán	19.957.904.304	393.315.147	20.351.219.451
Phải thu khác	4.656.036.989	-	4.656.036.989
Tài sản ngắn hạn khác	27.588.703.870	-	27.588.703.870
Đầu tư dài hạn khác	4.567.337.373	15.542.767.098	20.110.104.471
Tài sản dài hạn khác	-	5.271.490.600	5.271.490.600
	230.048.535.882	30.078.348.070	260.126.883.952

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Mượn tiền	-	(1.450.000.000)
	Chuyển nhượng cổ phiếu	50.000.000	-

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	-	(50.000.000)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.460.175.000	2.286.571.364

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.225.531	79.047.454
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(32.874.650)	-
		Mua tài sản cố định	15.943.724	-
		Góp vốn	-	200.000.000
		Cho vay	365.000.000	200.000.000
		Lãi cho vay	98.681.750	-
		Cho mượn tiền	19.500.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.950.316.404	29.110.973
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.269.400.794)	(2.732.000)
		Mượn tiền	(472.611.563)	-
		Nhận cổ tức	174.638.335	131.800.849
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.378.911.964	10.589.791.282
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.275.748.768)	(745.580.536)
		Cho vay	6.768.996.550	20.993.333.773
		Lãi cho vay	257.791.345	618.050.166
		Cho mượn	174.000.000	-
		Mượn tiền	(885.000.000)	-
		Đi vay	-	(210.000.000)
		Lãi đi vay	-	(627.000)
		Cổ tức công bố	(24.600.000.000)	-
		Nhận ký quỹ thuê văn phòng và kho	102.200.000	-
		Phải thu chi phí tiện ích	13.222.218	115.983.501
		Phải trả chi phí tiện ích	(20.170.274)	(99.457.995)
		Trả thay chi phí	754.301.823	(593.200.000)
		Xuất hộ thuê trạm	709.108.006	-
Chi hộ thuê trạm	860.447.369	828.748.620		
Phải thu phạt chậm thanh toán	-	417.904.680		
Chuyển nhượng vốn góp	-	7.820.000.000		
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.880.250	48.580.051
		Nhận cổ tức	-	54.900.000
		Thu tiền bán hàng hóa dịch vụ	-	(12.736.998)
		Chi phí tiện ích	-	(3.590.001)
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	862.778.906	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(2.497.000)
		Lãi cho vay	129.740.000	140.400.000
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Cổ tức công bố	(1.920.000.000)	(1.280.000.000)
		Cổ tức đã trả	(2.240.000.000)	(640.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(140.108.000)	-
		Cổ tức công bố	(2.784.000.000)	(1.856.000.000)
		Cổ tức đã trả	(1.856.000.000)	(1.856.000.000)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Electrotecnica	Bên liên	Mua quyền sử dụng công nghệ	(1.735.191.240)	(5.845.050.000)
Arteche Hermanos, S.A	quan	Mua nguyên vật liệu	-	(531.777.426)
		Mua hàng hóa và dịch vụ	152.213.421	(282.273.425)
		Nhận góp vốn	-	(5.232.200.000)

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	2.854.116.697	1.055.791
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	430.561.685	385.213.599
		Phải thu phi thương mại	58.472.417	245.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	148.920.566	2.458.433.486
		Phải thu phi thương mại	7.383.076.950	-
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Phải thu thương mại	5.406.000	16.937.567
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu thương mại	578.026.997	-
		Phải thu phi thương mại	332.660.000	1.010.829.092
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(2.498.638.895)	-
		Phải trả phi thương mại	(795.072.280)	(856.302.437)
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(16.030.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(70.717.023)	(513.102.668)
		Phải trả phi thương mại	(670.343.663)	(37.416.090)
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(640.000.000)	(960.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(928.000.000)	-
Electrotecnica Arteche Hermanos, S.A	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(2.184.285.986)	(343.678.667)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(991.562.217)	(991.562.217)

Các khoản phải thu/(phải trả) phi thương mại từ/(cho) công ty liên kết và bên liên quan là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

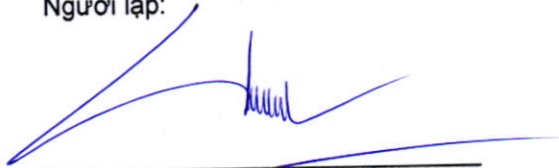
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

38. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp	421.562.339.943	459.763.276.621
Chi phí công nhân viên	76.373.878.717	67.871.325.673
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	4.213.732.928	1.641.932.465
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.212.812.284	16.108.523.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.399.449.802	84.841.229.933
Chi phí khác	21.586.727.620	15.308.142.086

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012 (chưa kiểm toán)	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	366.687.850.853	407.430.699.989	422.275.406.282
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	94.175.014.557	36.024.398.149	50.601.583.927
Tiền	111	22.813.969.014	16.447.666.360	37.497.448.822
Các khoản tương đương tiền	112	71.361.045.543	19.576.731.789	13.104.135.105
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	3.598.986.651	15.934.913.268	11.282.011.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	3.598.986.651	15.934.913.268	11.282.011.827
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	136.980.468.758	157.559.418.729	193.586.625.704
Phải thu khách hàng	131	87.351.890.501	131.155.249.935	170.867.316.744
Trả trước cho người bán	132	8.728.544.938	21.396.025.053	20.351.219.451
Phải thu khác	135	43.179.995.992	7.296.091.221	4.656.036.989
Dự phòng phải thu khó đòi	139	(2.279.962.673)	(2.287.947.480)	(2.287.947.480)
Hàng tồn kho	140	110.184.439.457	161.581.665.709	129.110.898.997
Hàng tồn kho	141	125.924.206.737	168.061.814.914	135.752.767.456
Dự phòng hàng tồn kho	149	(15.739.767.280)	(6.480.149.205)	(6.641.868.459)
Tài sản ngắn hạn khác	150	21.748.941.430	36.330.304.134	37.694.285.827
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.247.038.459	4.323.523.987	3.517.491.118
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	3.862.798.150	8.696.622.964	6.576.074.561
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	1.325.722.601	34.739.942	12.016.278
Tài sản ngắn hạn khác	158	12.313.382.220	23.275.417.241	27.588.703.870
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	262.751.641.822	337.520.864.569	344.912.117.628
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	530.647.095	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	218	-	530.647.095	3.000.000
Tài sản cố định	220	211.379.055.525	224.218.808.856	228.381.333.181
Tài sản cố định hữu hình	221	145.665.061.117	155.897.923.382	159.179.718.543
- Nguyên giá	222	175.958.531.010	176.573.146.233	176.872.015.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(30.293.469.893)	(20.675.222.851)	(17.692.296.710)
Tài sản cố định vô hình	227	65.595.925.403	66.983.111.227	67.965.095.717
- Nguyên giá	228	72.252.881.339	70.458.496.781	70.498.746.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(6.656.955.936)	(3.475.385.554)	(2.533.650.664)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	118.069.005	1.337.774.247	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	9.232.221.064	13.930.799.252	15.505.224.590
- Nguyên giá	241	39.999.680.784	38.186.735.835	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	(30.767.459.720)	(24.255.936.583)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9.806.852.327	63.557.111.558	64.131.569.805
Đầu tư vào công ty liên kết	252	3.772.353.719	47.902.167.460	46.021.465.334
Đầu tư dài hạn khác	258	7.715.498.608	19.354.944.098	20.110.104.471
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(1.681.000.000)	(3.700.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260	29.633.695.279	32.246.202.981	33.769.325.924
Chi phí trả trước dài hạn	261	22.262.848.302	26.281.784.967	26.720.690.897
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.737.138.863	1.474.876.368	1.777.144.427
Tài sản dài hạn khác	268	5.633.708.114	4.489.541.646	5.271.490.600
Lợi thế thương mại	269	2.699.817.627	3.037.294.827	3.121.664.128
TỔNG TÀI SẢN	270	629.439.492.675	744.951.564.558	767.187.523.910

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
			(chưa kiểm toán)	
NỢ PHẢI TRẢ	300	281.780.577.360	365.170.430.388	385.452.284.970
Nợ ngắn hạn	310	220.538.836.034	260.875.678.929	291.158.127.023
Vay ngắn hạn	311	74.343.738.124	61.592.640.400	70.920.991.432
Phải trả người bán	312	48.528.156.858	94.888.079.877	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	313	25.486.730.202	41.267.284.899	32.846.728.105
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	25.423.127.858	22.012.940.503	33.045.927.869
Phải trả người lao động	315	2.740.296.340	1.191.347.020	9.012.839.920
Chi phí phải trả	316	17.958.491.375	9.657.295.899	6.481.481.348
Phải trả nội bộ	318	-	45.486.285	37.782.561
Phải trả khác	319	13.927.051.229	17.170.125.202	13.530.313.010
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	6.716.229.836	8.600.866.834	8.493.596.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.415.014.212	4.449.612.010	5.879.751.065
Nợ dài hạn	330	61.241.741.326	104.294.751.459	94.294.157.947
Phải trả dài hạn khác	333	1.601.595.008	972.738.200	1.228.632.200
Vay dài hạn	334	49.155.012.834	92.098.903.807	87.696.208.298
Dự phòng phải trả dài hạn	337	857.853.450	1.220.892.036	1.318.040.858
Doanh thu chưa thực hiện	338	7.058.045.834	7.078.855.757	1.027.167.454
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	2.569.234.200	2.923.361.659	3.024.109.137
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	216.414.593.686	222.637.662.631	221.724.923.120
Vốn chủ sở hữu	410	216.414.593.686	222.637.662.631	221.724.923.120
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	127.711.950.000	127.711.950.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414	(15.680.000)	(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	(19.145.351)	106.863.282
Quỹ dự phòng tài chính	418	3.132.233.060	3.800.722.166	3.512.427.325
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	85.586.090.626	91.159.815.816	102.017.322.513
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	131.244.321.629	157.143.471.539	160.010.315.820
TỔNG NGUỒN VỐN	440	629.439.492.675	744.951.564.558	767.187.523.910

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013



Người phê duyệt:

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2012 (chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013 (chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	120.383.694.977	520.801.000.258	641.184.695.235	722.637.438.096
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(24.644.543)	(135.636.345)	(160.280.888)	(1.572.732.918)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	120.359.050.434	520.665.363.913	641.024.414.347	721.064.705.178
Giá vốn hàng bán	11	(89.684.041.104)	(403.984.423.981)	(493.668.465.085)	(525.640.462.108)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30.675.009.330	116.680.939.932	147.355.949.262	195.424.243.070
Doanh thu hoạt động tài chính	21	908.549.676	37.141.776.705	38.050.326.381	17.875.721.282
Chi phí tài chính	22	(7.317.059.816)	(27.613.070.006)	(34.930.129.822)	(20.820.939.570)
Chi phí bán hàng	24	(8.570.857.209)	(38.516.595.236)	(47.087.452.445)	(46.637.134.880)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(12.898.040.524)	(49.030.199.790)	(61.928.240.314)	(61.692.004.569)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.797.601.457	38.662.851.605	41.460.453.062	84.149.885.333
Thu nhập khác	31	157.973.095	7.319.328.651	7.477.301.746	3.635.449.374
Chi phí khác	32	(84.860.721)	(11.903.367.127)	(11.988.227.848)	(868.413.568)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	40	73.112.374	(4.584.038.476)	(4.510.926.102)	2.767.035.806
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	1.561.931.062	12.922.964.259	14.484.895.321	5.126.817.916
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.432.644.893	47.001.777.388	51.434.422.281	92.043.739.055
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(2.424.537.388)	(20.004.871.920)	(22.429.409.308)	(14.550.989.888)
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(294.048.288)	254.042.724	(40.005.564)	891.944.849
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.714.059.217	27.250.948.192	28.965.007.409	78.384.694.016

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và
 kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2012 (chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013 (chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	110.585.912	12.809.992.192	12.920.578.104	32.855.308.530
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	1.603.473.305	14.440.956.000	16.044.429.305	45.529.385.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		138	1.142	1.280	3.922

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
 Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 17 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)
cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng	Cho kỳ mười hai tháng	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		31 tháng 3 năm 2012 (chưa kiểm toán)	31 tháng 3 năm 2013 (chưa kiểm toán)	31 tháng 3 năm 2013 kết thúc	31 tháng 12 năm 2011 kết thúc
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ/năm	01	4.432.644.893	47.001.777.388	51.434.422.281	92.043.739.055
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao và phân bổ	02	5.506.279.096	23.706.533.188	29.212.812.284	16.108.523.120
Thay đổi các khoản dự phòng	03	-	9.197.045.358	9.197.045.358	6.385.327.586
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	279.036.888	279.036.888	821.633.001
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	-	(962.756.905)	(962.756.905)	(178.565.742)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	2.351.268.579	(62.957.391.312)	(60.606.122.733)	(20.451.946.467)
Chi phí lãi vay	07	4.071.636.506	27.037.472.299	31.109.108.805	13.191.931.367
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08	16.361.829.074	43.301.716.904	59.663.545.978	107.920.641.920
Giảm các khoản phải thu	09	33.356.287.813	74.170.461.714	107.526.749.527	23.287.163.571
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(32.470.766.712)	42.299.327.413	9.828.560.719	(25.274.757.907)
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	(28.177.418.942)	(89.108.112.335)	(117.286.531.277)	(50.342.998)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(367.126.939)	5.315.826.204	4.948.699.265	(1.350.623.723)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(23.509.900.576)	(23.509.900.576)	(22.539.811.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	6.580.939.989	(28.408.854.201)	(21.827.914.212)	(9.147.660.823)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.313.286.629	10.598.249.507	14.911.536.136	2.140.553.494
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	655.940.321	(655.940.321)	-	(11.878.794.153)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20	252.971.233	34.001.774.387	34.254.745.620	63.106.367.690

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng	Cho kỳ mười hai tháng	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		31 tháng 3 năm 2012 (chưa kiểm toán)	31 tháng 3 năm 2013 (chưa kiểm toán)	31 tháng 3 năm 2013 kết thúc	31 tháng 12 năm 2011 kết thúc
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	230.670.567	(6.768.507.232)	(6.537.836.665)	(126.507.224.926)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.761.669.591	1.761.669.591	499.016.513
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.652.901.441)	(59.542.441.729)	(64.195.343.170)	(125.944.561.222)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	83.405.970.759	83.405.970.759	125.885.953.381
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.477.302.398)	2.477.302.398	-	(18.137.824.568)
Thu hồi các khoản đầu tư	26	-	31.075.186.970	31.075.186.970	27.770.337.810
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(789.337.517)	22.568.268.915	21.778.931.398	5.778.057.910
Tiền chi thuần để mua công ty con	28	84.369.301	(84.369.301)	-	(2.695.887.298)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động đầu tư	30	(7.604.501.488)	74.893.080.371	67.288.578.883	(113.352.132.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31	11.607.960.000	(9.721.340.000)	1.886.620.000	21.986.923.695
Chi tiền mua vốn góp của cổ đông thiểu số	32	-	(7.920.000.000)	(7.920.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	(4.925.655.523)	134.174.601.027	129.248.945.504	290.653.291.071
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	-	(165.636.324.464)	(165.636.324.464)	(251.734.942.706)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.907.960.000)	(1.415.592.400)	(15.323.552.400)	(9.287.064.800)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động tài chính	40	(7.225.655.523)	(50.518.655.837)	(57.744.311.360)	51.618.207.260
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ/NĂM	50	(14.577.185.778)	58.376.198.921	43.799.013.143	1.372.442.550
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ/NĂM	60	50.601.583.927	36.024.398.149	50.601.583.927	49.229.141.377
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(225.582.513)	(225.582.513)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ/NĂM	70	36.024.398.149	94.175.014.557	94.175.014.557	50.601.583.927

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BỔ SUNG THUYẾT MINH VỀ CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ/năm có các giao dịch bằng không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho kỳ ba tháng	Cho kỳ mười hai tháng	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	31 tháng 3 năm 2012 (chưa kiểm toán)	31 tháng 3 năm 2013 (chưa kiểm toán)	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	-	30.002.973.940	30.002.973.940	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	2.814.483.867	2.814.483.867	8.830.826.809
Cần trừ công nợ bằng cách hanh lý tài sản cố định	-	1.699.269.634	1.699.269.634	-
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	-	1.058.213.030	1.058.213.030	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	-	110.000.000	110.000.000	-
Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ	-	-	-	5.232.200.000
Vốn hóa chi phí lãi vay vào nguyên giá tài sản cố định	-	-	-	8.452.701.785

Người lập:




TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 6 năm 2013



Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc